

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 05/2020/HS - ST
Ngày 24 - 4 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Nguyễn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST - HS ngày 06 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 02 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Mèo Địa), sinh ngày 03 tháng 6 năm 1987, tại: xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Phụ lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (Đã chết) và bà Trần Thị T; vợ, con: chưa có; có 02 tiền án theo Bản án số 13/2014/HSPT ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 24/6/2014 và theo Bản án số 23/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua dâm người chưa thành niên từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi”; tiền sự: không; về nhân thân: vào các ngày 06/5/2005, ngày 12/12/2010 và ngày 16/3/2011, bị cáo bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 14/4/2016, bị cáo bị Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” và ngày 20/8/2018, tiếp tục bị Công an thị

xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang Thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình theo Bản án hình sự số 23/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Theo Lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Văn T (Tên gọi khác: Chó N), sinh ngày 16 tháng 6 năm 1985, tại: xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hữu N (Đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Hoàng Thị Lệ C (Đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; quá trình nhân thân: Ngày 11/10/2004, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Gây sự đánh người qua đường”; ngày 20/10/2004, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Trêu chọc phụ nữ”; ngày 14/6/2005, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 19/7/2008, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Gây rối trật tự công cộng” và ngày 01/3/2011, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/9/2019 cho đến ngày 31/3/2020 thì bị bắt giam về một tội phạm khác. Theo Lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Minh T (Tên gọi khác: Tý Tạng), sinh ngày 07 tháng 8 năm 1982, tại: xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Trương Thị D; có vợ là Nguyễn Thị Thu T và có 02 con (Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án: không, có 01 tiền sự: Ngày 19/6/2018, bị Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/9/2018 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/6/1987; nơi cư trú: thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt.

+ Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/1982; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt.

- Những người làm chứng:

+ Trương Tuấn A, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Trần Hoàng P, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Mai Phúc A, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ dân phố 15, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Hoàng Thành H, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Nguyễn Công M, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Trần Ngọc H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt.

+ Nguyễn Văn C, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Lê Minh T, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

+ Mai Xuân N, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/6/2019, Nguyễn Văn T đang ăn mừng thôi nôi con của bạn tại thôn T, xã Q, thị xã B với Đoàn Văn T và Nguyễn Công M thì Mai Phúc A gọi điện đến để nói chuyện liên quan tới việc Lê Minh T nợ tiền của Nguyễn Minh T. Sau khi nói chuyện với Phúc A xong thì Thiên gọi điện thoại cho T nói về sự việc trên và hai người đã xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau to tiếng, thách thức nhau. Sau đó, T kể cho T nghe về nội dung trên rồi T nói sẽ gọi điện cho Phúc A. Nhưng một lúc sau, Phúc A đã gọi điện lại cho T hẹn gặp nhau uống nước để nói chuyện. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi T, T và M đang trên đường về thì T gọi điện hẹn Phúc A gặp nhau ở sân học giáo dục thể chất Trường THPT Lê Hồng Phong thuộc thôn T, xã Q. Cả ba đi đến phòng vé của nhà xe “Thanh Nghĩa” tại thôn T, xã Q, để T lấy xe ô tô biển kiểm soát 73A-02494 chở T và M đi đến chỗ hẹn.

Lúc này tại nhà của T có Mai Phúc A; Trần Hồng P; Trần Ngọc H; Hoàng Thành H; Trương Tuấn A đang đánh bi - a. T nói với Phúc A là T thách thức và đòi gặp mình ở sân vận động thì Phúc A nói để gặp T nói chuyện trước sau cho êm ả rồi Phúc A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH chở P đến gặp T ở chỗ hẹn. Tại đây, Phúc A nói với T “Tí nữa anh T ra làm vài ly rồi giảng hòa, anh em cả” rồi cùng T đi ra phía gần khán đài sân ngồi nói chuyện. Khoảng 05 phút sau, H điều khiển xe mô tô BKS 73K7 - 7723 chở T; Trương Tuấn A điều khiển xe mô tô BKS 73V1 - 8664 chở H đến. Cả bốn người tiến lại gặp T, lúc này Phúc A và T cũng đi lại vị trí T đang đứng. Khi gặp T, T nói: “Mi ngon bắt tau đi Mèo nì”. M thấy T thách thức T nên đã can ngăn lại. Tuy nhiên, T không chịu và vẫn dùng gậy gõ xông vào đánh nhiều cái vào người T. Thấy vậy, T lấy trong xe ô tô một cây kiếm kim loại và nói “Tau đồ thẳng mô đập thẳng Mèo” rồi đưa kiếm cho T. T thấy vậy nên bỏ chạy nhưng vẫn bị T đuổi theo. T chạy đến trước cửa nhà chị Nguyễn Thị L ở thôn T, xã Q thì bị ngã làm rơi gậy xuống đường. Sau đó, T chạy vào nhà chị L rồi đóng cổng sắt lại. T đuổi kịp và đứng ngoài cổng dùng kiếm đâm trúng vào mặt ngoài đùi chân phải của T. T mở cổng chạy ra ngoài đường thì bị T tiếp tục dùng kiếm chém trúng mặt ngoài cẳng chân trái làm T bị ngã xuống đường, T tiếp tục dùng kiếm chém nhiều nhất, T giơ hai tay lên đỡ thì bị trúng vào ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay trái, bàn tay phải. Cho đến khi T nói “Ôi em e chém sứt tay anh rồi M ơi” thì T mới im lặng rồi cầm kiếm bỏ đi. Sau đó, T gọi điện cho Phúc A nhờ đưa T đi bệnh viện.

T sau khi gây thương tích cho T thì đi đến cổng trường THPT Lê Hồng Phong để M chở T và T đi tìm chỗ sơ cứu vết thương cho T. Khi đi đến cầu Quảng Hải, T vứt cây kiếm xuống sông. Đến đoạn trước Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Quảng Bình tại khu phố 4, phường B, thị xã B thì T bắt xe vào thành phố Đ, T gọi xe TAXI đến Phòng khám “Tâm Phúc” tại tổ dân phố M, phường Q, thị xã B để xử lý vết thương còn M điều khiển xe đi về.

Hậu quả:

- Nguyễn Minh T được H và H đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình, rồi chuyển vào Bệnh viện Quốc tế Trung ương Huế điều trị từ ngày 10/6/2019 đến ngày 22/6/2019 thì ra viện.

- Nguyễn Văn T đến Phòng khám “T” tại tổ dân phố M, phường Q, thị xã B để xử lý vết thương. Đến ngày 19/06/2019, T đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình điều trị, ngày 20/06/2019 thì ra viện. Sau đó vào điều trị tại Trung tâm điều trị theo yêu cầu và Bệnh viện Quốc tế Trung ương Huế đến ngày 25/06/2019 thì ra viện.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 74/TgT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Quảng Bình và Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 242-19/TgT ngày 12 tháng 06 năm 2019 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại của anh Nguyễn Văn T là 03%, các vết thương do vật tày gây ra và tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại của Nguyễn Minh T là 22%.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ và giao trả cho chủ sở hữu là anh Mai Xuân N 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO LANOS SX, sơn màu trắng, biển kiểm soát 73A - 02494, đã qua sử dụng, do anh Nghĩa không biết T mượn xe để sử dụng vào mục đích phạm tội.

Đối với 01 cây gậy gỗ, phần sau của cơ đánh bi - a và 01 cây kiếm mà T và T sử dụng làm hung khí gây án sau đó vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Quá trình điều tra, các bị cáo T, T và T đã tiến hành tự bàn bạc, thỏa thuận về mặt dân sự nhưng không giải quyết được. Bị cáo T yêu cầu bị cáo T và bị cáo T phải bồi thường số tiền là 193.470.000 đồng gồm các khoản chi phí điều trị, chi phí tổn thất về mặt tinh thần, tiền công chăm sóc và lao động. Mặc dù bị cáo T chấp nhận bồi thường số tiền trên nhưng bị cáo T không chấp nhận nên việc thỏa thuận giữa các bị cáo không thành.

Tại Cáo trạng số 02/CT - VKSBD ngày 03 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Văn T và Nguyễn Minh T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, e, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 357, 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn

T phải bồi thường cho Nguyễn Minh T số tiền 40.000.000 đồng, buộc Đoàn Văn T phải bồi thường cho Nguyễn Minh T số tiền 35.000.000 đồng.

Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với các bị cáo nên không có tranh luận gì.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và đến tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Văn T và Nguyễn Minh T đã hoàn toàn thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Do trước đó các bị cáo có mâu thuẫn trong việc vay mượn tiền và do bức xúc, không kiềm chế, làm chủ được bản thân nên bị cáo T với sự giúp sức của bị cáo T đã dùng kiếm chém bị cáo T gây tổn thương cho cơ thể bị cáo T là 22%; còn bị cáo T đã dùng gậy đánh bị cáo T gây tổn thương cho cơ thể bị cáo T là 03%. Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn thống nhất, phù hợp với lời khai của những người bị hại; những người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của các bị cáo, thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi nhưng vì bản tính nóng nảy, thiếu kiềm chế nên khi xảy ra mâu thuẫn đã sử dụng hung khí nguy hiểm, có độ sát thương cao để gây thương tích cho T và T. Các bị cáo T, T và T đều là những đối tượng có nhân thân xấu, bị cáo T và bị cáo T đã bị xử phạt hành chính nhiều lần và đã từng bị Tòa án xét xử, bị cáo T cũng đã bị xử phạt hành chính một lần về hành vi đánh bạc. Song, các bị cáo không lấy đó làm bài học, không tu dưỡng đạo đức, rút kinh nghiệm cho bản thân để sống tuân thủ pháp luật mà ngược lại còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này. Điều này cho thấy các bị cáo là những đối tượng có ý thức coi thường pháp luật cao, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm nhằm mục đích răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác.

[4] Trong vụ án này, có ba bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. T là người đóng vai trò chính, đã lấy kiếm từ T và là người trực tiếp gây thương tích cho T. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, T tỏ ra rất tích cực, từ việc đuổi T chạy làm T bị ngã. Sau đó, dùng kiếm đâm, chém vào T nhiều nhát cho đến khi T bị sứt tay thì T mới dừng lại và bỏ đi. Đối với bị cáo T, khi thấy bị cáo T dùng gậy đánh gây thương tích cho bị cáo T thì bị cáo T đã lấy ra 01 cây kiếm trong xe ô tô rồi đưa cho T để T đuổi theo chém gây thương tích cho T. Mặc dù không trực tiếp chém T nhưng hành vi của T đã tạo điều kiện, giúp sức cho T để T thực hiện hành vi phạm tội nên T là đồng phạm và phải chịu trách nhiệm sau T. Đối với bị cáo T, mặc dù bị cáo cũng là bị hại trong vụ án nhưng khi gặp T, bị cáo đã có lời nói: “Mi ngon bắn anh đi M nì” nhằm kích động tinh thần đối với T, đồng thời bị cáo đã sử dụng gậy gỗ (là hung khí nguy hiểm) gây thương tích cho T. Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[5] Liên quan trong vụ án có các đối tượng Nguyễn Công M, Trần Hồng P, Mai Phúc A, Trần Ngọc H, Hoàng Thành H, Trương Tuấn A là những người có mặt tại hiện trường trong suốt quá trình xảy ra vụ án, tuy nhiên họ đã can ngăn và không tham gia xâu ầu, đánh nhau, không có sự chuẩn bị, bàn bạc, trao đổi, thỏa thuận từ trước với các bị cáo. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chỉ tiến hành nhắc nhở, răn đe, giáo dục chung là hoàn toàn phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo T và bị cáo T đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại T nhằm khắc phục một phần hậu quả đã gây ra; bị cáo T phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị cáo T gây ra, trong năm 2019 bị cáo T đã tích cực hợp tác với Cơ quan công an cung cấp một số thông tin có giá trị để Công an thị xã B phát hiện, đấu tranh, triệt phá thành công một số chuyên án, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo cũng đã có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Tại phiên tòa, bị hại T đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Vì vậy, cần căn cứ vào các điểm b, e, i, s, t khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo mức độ và điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T đã có 02 tiền án, hiện đang trong thời gian chấp hành hình phạt theo Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do lỗi cố ý. Do đó, lần phạm tội này bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng tình tiết này đã dùng để định khung hình phạt nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Văn T và Nguyễn Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt áp dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo T và T là những đối tượng đã nhiều lần vi phạm pháp luật và đã từng bị Tòa án xét xử nhưng các bị cáo không tự rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện tiếp tục giáo dục, cải tạo các bị cáo tiến bộ, sớm trở lại là công dân lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định cho hai bị cáo một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Không cần thiết buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải đi chấp hành hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội mà cần căn cứ vào Điều 36 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được học tập cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Bị cáo T có nghề nghiệp làm

ruộng nhưng thu nhập thấp, không ổn định nên không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Riêng đối với bị cáo T, khi quyết định hình phạt, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 36 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Văn T và Nguyễn Minh T đã tiến hành tự bàn bạc, thỏa thuận về mặt dân sự nhưng không giải quyết được. Bị cáo T yêu cầu các bị cáo T và T phải bồi thường tổng số tiền là: 193.470.000 đồng gồm các khoản chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, tiền công chăm sóc và lao động nhưng các bị cáo không thống nhất được mức bồi thường và phương án bồi thường. Tuy nhiên, đến ngày 22/6/2019, bị cáo T đã bồi thường cho bị cáo T số tiền là 19.000.000 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 09/02/2020, bị cáo T cũng đã bồi thường cho bị cáo T số tiền là 15.000.000 đồng. Ngày 04/3/2020, các bị cáo T, T và bị cáo T vẫn tiếp tục thỏa thuận về việc bồi thường dân sự, theo đó, bị cáo T chỉ yêu cầu các bị cáo T và T bồi thường số tiền còn lại là 85.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo T thống nhất bồi thường 50.000.000 đồng, còn bị cáo T thống nhất bồi thường 35.000.000 đồng. Cũng trong ngày 04/3/2020, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho T số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo T đã bồi thường cho bị cáo T là 29.000.000 đồng. Hiện tại, số tiền còn lại mà bị cáo T chưa bồi thường cho bị cáo T là 40.000.000 đồng; số tiền còn lại mà bị cáo T chưa bồi thường cho bị cáo T là 35.000.000 đồng. Vì vậy, cần phải căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T và bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại trên cho bị cáo T.

Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 10/02/2020, bị cáo T đã nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường cho T. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, T không yêu cầu bị cáo T bồi thường. Vì vậy, cần trả lại số tiền trên cho T.

[9] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đã tiến hành thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là anh Mai Xuân N 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 73A - 02494, do anh N không biết bị cáo T mượn xe để sử dụng vào mục đích phạm tội. Xét

thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

[10] Về án phí:

Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 134, khoản 1 Điều 54; khoản 2 Điều 56, Điều 36, Điều 48; của Bộ luật Hình sự; các Điều 357; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Văn T và Nguyễn Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, e, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 (Mười bốn) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 50 (Năm mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (Ngày 05/11/2019).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Minh T vì thu nhập của bị cáo thấp, không ổn định.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Đoàn Văn T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Nguyễn Minh T. Cụ thể:

+ Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

+ Bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T số tiền là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

- Trả lại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho bị cáo Nguyễn Minh T theo Biên lai thu tiền số 0003395 ngày 10/02/2020 mà bị cáo Nguyễn Minh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Văn T và Nguyễn Minh T phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, Đoàn Văn T phải nộp 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (Đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Tưởng Thị Hà

